TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Hữu Trí

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim Th, sinh năm: 1976 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 21, ấp B A 2, xã A H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lê Hoài N, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 21, ấp B A 2, xã A H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2017, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Kim Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Lê Hoài N có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An

Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/1995 ngày 08/02/1995. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ năm 2000 ông N có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, cứ 2-3 tháng ông N bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ này, vợ chồng không hạnh phúc, ông N không quan tâm đến vợ con. Do đó cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, mạnh ai nấy sống. Bà nhiều lần khuyên và cố gắng chịu đựng nhưng ông N vẫn không thay đổi. Đầu năm 2018 ông N bỏ nhà đi hiện nay bà và ông N ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bà nhận thấy không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông N có 04 con chung tên Nguyễn Trần Tường V sinh ngày 21/5/1995, Nguyễn Trần Tường Nh, sinh ngày 30/3/2000, Nguyễn Trần Tường D, sinh ngày 05/10/2005 và cháu Nguyễn Trần Tường M, sinh ngày 29/9/2008. Hiện hai cháu Tường V, cháu Tường Nh đã trưởng thành, Tường D và cháu Tường M hiện nay bà trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định nhưng Ông N không đến theo giấy triệu tập cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thanh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông N có nơi cư trú tại xã A H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Đối với bị đơn: Tòa án đã tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về hôn nhân: Bà Th và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/02/1995 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Th và ông N được đoàn tụ, nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Th điều đó chứng tỏ ông N không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà Th, theo lời trình bày của bà Th thì hiện nay ông N đang sống với người hụ nữ khác như vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay bà Th khẳng định tình cảm dành cho ông N không còn và bà cương quyết xin ly hôn với ông N. Qua xem xét giữa bà Th và ông N hai bên đã có mâu thuẫn từ lâu hai bên không ai quan tâm đến nhau, ông N cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm và hai bên đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Do đó hôn nhân của bà Th ông N kéo dài cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên yêu cầu xin ly hôn của bà Th với ông N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Theo bà Th trình bày, ông bà có 04 con chung, hai cháu Nguyễn Trần Tường V, sinh năm 1995, cháu Nguyễn Trần Tường Nh, sinh ngày 30/3/2000 hiện nay hai đã trưởng thành, còn cháu Nguyễn Trần Tường D, sinh tháng 10/2005 và cháu Nguyễn Trần Tường M, sinh ngày 29/9/2008, từ khi ly thân cho đến nay các con sống với bà. Tại biên lấy lời khai ngày 10/11/2017 cháu D và cháu M có nguyện vọng sống với bà Th. Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, để không làm ảnh hưởng tâm lý và xáo trộn cuộc sống của các cháu bà Th được tiếp tục nuôi cháu D và cháu M phù với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Th không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Bà Th là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Th và ông N có quyền kháng cáo được qui định tại điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Th.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Th được ly hôn với ông Nguyễn Lê Hoài N.

[2]. Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Kim Th được quyền tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Trần Tường D, sinh ngày 05/10/2005 và cháu Nguyễn Trần Tường M, sinh ngày 29/9/2008.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Lê Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu

[5]. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000940 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[6]. Quyền kháng cáo: Bà Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2018). Ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Cơ quan đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Chung